EXIMLAND

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN E XIM
179EF Cách Mạng Tháng Tám, P.5, Q.3, TP.HCM
Số: 73/2017/CV- EXL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

Trụ sở chính: 179EF Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận 3, TP.HCM.

Điện thoại: (84-8) 6264 6726

Fax: (84-8) 6264 6724

Người thực hiện công bố thông tin: Bà DƯƠNG THỊ THU LOAN

Điện thoại (di động): 0907368797

Nội dung thông tin công bố:

- **Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2017 đã kiểm toán ngày 15/08/2017 công ty Eximland**
- **Báo cáo tài chính Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017 đã kiểm toán ngày 15/08/2017 công ty Eximland**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 15 tháng 08 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin

Nơi nhận:
- Như trên
- Ban TGĐ
- Lưu HCNS

M.S.D.N: 0305323291 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN E XIM - QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

DƯƠNG THỊ THU LOAN

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 44

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 10 năm 2007, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số	*Ngày cấp*
4103008092 - Điều chỉnh lần 1	Ngày 14 tháng 2 năm 2008
4103008092 - Điều chỉnh lần 2	Ngày 30 tháng 5 năm 2008
4103008092 - Điều chỉnh lần 3	Ngày 25 tháng 6 năm 2009
0305323291 - Điều chỉnh lần 4	Ngày 2 tháng 2 năm 2010
0305323291 - Điều chỉnh lần 5	Ngày 30 tháng 3 năm 2010
0305323291 - Điều chỉnh lần 6	Ngày 14 tháng 10 năm 2011
0305323291 - Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 5 năm 2015

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản; dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản; lập dự án đầu tư; tư vấn đầu tư - đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); quản lý dự án; phá dỡ công trình; san lấp mặt bằng; thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hệ thống điện.

Công ty có trụ sở chính tại 179EF Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Lý Văn Nghĩa	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Đào Văn Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2016
Bà Dương Thị Thu Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Bà Võ Thị Kiều Loan	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Bà Lê Mai Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Nhất Hồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Lý Văn Nghĩa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2015
Bà Dương Thị Thu Loan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2017
	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Cảnh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2017
Ông Lưu Đức Tân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2017
Bà Trần Thị Băng Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là Ông Lý Văn Nghĩa, chức danh Tổng Giám Đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN E XIM

Ông Lý Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60970230/19450298-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim ("Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2017 từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Building a better working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01a-DN

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**165.443.404.112**	**175.062.373.632**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***7.943.098.165***	***3.833.812.949***
111	1. Tiền		7.943.098.165	3.833.812.949
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***	***5***	***6.186.000.000***	***11.200.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.186.000.000	11.200.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***48.963.190.034***	***61.331.128.662***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	7.810.911.700	8.152.836.928
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	26.461.353.647	50.411.738.934
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	21.310.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	18.373.391.283	24.384.019.396
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(24.992.466.596)	(27.617.466.596)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***10***	***100.542.109.811***	***97.410.168.624***
141	1. Hàng tồn kho		100.542.109.811	97.410.168.624
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***1.809.006.102***	***1.287.263.397***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		184.895.495	109.744.932
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	26	1.624.110.607	1.177.518.465
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**535.357.969.954**	**549.564.290.297**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***905.000.000***	***910.000.000***
216	1. Phải thu dài hạn khác		905.000.000	910.000.000
220	***II. Tài sản cố định***		***19.145.287.170***	***13.405.008.372***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	19.145.287.170	13.405.008.372
222	Nguyên giá		27.946.551.224	22.548.751.224
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.801.264.053)	(9.143.742.852)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		72.000.000	72.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(72.000.000)	(72.000.000)
250	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***		***424.497.283.684***	***424.257.571.684***
251	1. Đầu tư vào các công ty con	12	268.067.076.000	267.827.364.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12	175.000.000.000	175.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.3	(18.569.792.316)	(18.569.792.316)
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***90.810.399.099***	***110.991.710.241***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		230.500.367	345.515.531
268	2. Tài sản dài hạn khác	13	90.579.898.732	110.646.194.710
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**700.801.374.066**	**724.626.663.929**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B01a-DN
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**224.959.164.229**	**238.098.460.039**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***71.668.931.229***	***87.864.667.039***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	23.920.464.571	20.509.201.781
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	1.220
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	26	3.131.314.296	3.640.466.001
314	4. Phải trả người lao động		-	406.320.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.551.777.319	8.910.000.491
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16.1	17.624.810.752	16.356.764.755
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	17	14.905.539.000	34.490.087.500
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.535.025.291	3.551.825.291
330	***II. Nợ dài hạn***		***153.290.233.000***	***150.233.793.000***
337	1. Phải trả dài hạn khác	16.2	18.208.377.000	9.371.737.000
338	2. Vay và nợ dài hạn	18	135.081.856.000	140.862.056.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**475.842.209.837**	**486.528.203.890**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***19***	***475.842.209.837***	***486.528.203.890***
411	1. Vốn cổ phần	19.2	417.840.000.000	417.840.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		11.252.395.500	11.252.395.500
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.410.041.500	3.410.041.500
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.339.772.837	54.025.766.890
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*54.025.766.890*	*7.235.981.610*
421b	- *(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*(10.685.994.053)*	*46.789.785.280*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**700.801.374.066**	**724.626.663.929**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Đinh Thị Nhài Kế toán viên	Bà Nguyễn Thị Cảnh Kế toán Trưởng	Ông Lý Văn Nghĩa Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN E XIM

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ B02a-DN
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**	**644.256.821**	**1.268.578.133**
10	**2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**644.256.821**	**1.268.578.133**
11	**3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**21**	**(646.251.446)**	**(4.451.485.326)**
20	**4. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**(1.994.625)**	**(3.182.907.193)**
21	**5. Doanh thu hoạt động tài chính**	**22**	**1.854.454.117**	**10.597.575.217**
22	**6. Chi phí tài chính**	**23**	**(6.548.300.000)**	**(6.735.126.943)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(6.548.300.000)*	*(6.735.126.943)*
26	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**24**	**(5.987.612.125)**	**(5.911.538.710)**
30	**8. Lỗ từ hoạt động kinh doanh**		**(10.683.452.633)**	**(5.231.997.629)**
31	9. Thu nhập khác		3.458.580	49.944.000
32	10. Chi phí khác		(6.000.000)	(11.870.787)
40	**11. Lợi nhuận khác**		**(2.541.420)**	**38.073.213**
50	**12. Tổng lỗ kế toán trước thuế**		**(10.685.994.053)**	**(5.193.924.416)**
51	**13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	**26.1**	**-**	**-**
60	**14. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**(10.685.994.053)**	**(5.193.924.416)**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Đinh Thị Nhài	Bà Nguyễn Thị Cảnh	Ông Lý Văn Nghĩa
Kế toán viên	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03a-DN

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		746.043.780	8.571.561.246
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(2.674.869.698)	(9.488.147.749)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.259.966.947)	(2.733.018.044)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(6.624.200.000)	(6.732.539.443)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	26	(500.000.000)	(452.824.115)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		69.197.555.563	78.582.844.976
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.073.047.150)	(61.539.436.791)
20	**Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**45.811.515.548**	**6.208.440.080**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.676.294.782)	(23.488.067.100)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.061.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.000.000.000)	(6.758.743.401)
24	4. Tiền thu hồi cho vay và bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.100.000.000	15.158.406.174
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(239.712.000)	(38.803.656)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.099.587.450	10.965.703.227
30	**Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(19.655.419.332)**	**(4.161.504.756)**

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	17,18	600.000.000	22.499.670.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay	17,18	(22.634.311.000)	(24.500.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.500.000)	-
40	**Tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(22.046.811.000)**	**(2.000.330.000)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**4.109.285.216**	**46.605.324**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**3.833.812.949**	**163.622.257**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**7.943.098.165**	**210.227.581**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Đinh Thị Nhài	Bà Nguyễn Thị Cảnh	Ông Lý Văn Nghĩa
Kế toán viên	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 10 năm 2007, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số	*Ngày cấp*
4103008092 - Điều chỉnh lần 1	Ngày 14 tháng 2 năm 2008
4103008092 - Điều chỉnh lần 2	Ngày 30 tháng 5 năm 2008
4103008092 - Điều chỉnh lần 3	Ngày 25 tháng 6 năm 2009
0305323291 - Điều chỉnh lần 4	Ngày 2 tháng 2 năm 2010
0305323291 - Điều chỉnh lần 5	Ngày 30 tháng 3 năm 2010
0305323291 - Điều chỉnh lần 6	Ngày 14 tháng 10 năm 2011
0305323291 - Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 5 năm 2015

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản; dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản; lập dự án đầu tư; tư vấn đầu tư - đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); quản lý dự án; phá dỡ công trình; san lấp mặt bằng; thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hệ thống điện.

Công ty có trụ sở chính tại 179EF Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 33 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 35 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh 12.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng và công bố thông tin theo quy định.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định bằng chi phí mua cộng với các chi phí khác liên quan trực tiếp theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	16 năm
Máy móc thiết bị	4 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm	4 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm các điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh/ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

3.11.1 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

3.11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.11.3 Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không có bất cứ nghĩa vụ nào khác.

3.14 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Việc trích quỹ phải được Hội đồng Quản trị và Hội đồng Cổ đông phê duyệt theo điều lệ của Công ty.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận doanh thu khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận vào doanh thu của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

3.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*
Tiền mặt	738.964.457	512.000.501
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.204.133.708	3.321.812.448
TỔNG CỘNG	**7.943.098.165**	**3.833.812.949**

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Quận 4, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,2%/năm, đáo hạn ngày 17 tháng 10 năm 2017.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*
Phải thu từ khách hàng		
- Công ty Liên Lập (a)	7.500.000.000	7.500.000.000
- Công ty Vạn Phúc Khang	-	84.329.000
- Phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác	310.911.700	263.945.200
Phải thu từ các bên liên quan:		
- Công ty TNHH MTV Tư Vấn – Xây dựng Exim	-	304.562.728
TỔNG CỘNG	**7.810.911.700**	**8.152.836.928**

(a) Đây là khoản phải thu còn lại từ việc chuyển nhượng dự án khu dân cư Exim Garden trong năm 2014 và sẽ được thanh toán khi hoàn thành biên bản nghiệm thu.

6.2 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Khai Thác Công Trình Giao Thông 584 (a)	23.123.909.200	23.123.909.200
- Công ty Du Thuyền Hoàng Gia (b)	2.061.000.000	2.061.000.000
- Trả trước dự án Chung cư Ngô Gia Tự(c)	500.000.000	500.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Tân Phúc Hưng	-	13.000.000.000
- Nguyễn Văn Hùng	-	9.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Thời Đại	-	2.268.504.000
- Trả trước người bán khác	776.444.447	458.325.734
TỔNG CỘNG	**26.461.353.647**	**50.411.738.934**

(a) Công ty đã ký hợp đồng mua 28 căn hộ chung cư của Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Và Khai Thác Công Trình Giao Thông 584 và ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp này để bán các căn hộ nói trên trong thời hạn 12 tháng đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Tuy nhiên, doanh nghiệp này vẫn chưa bàn giao căn hộ cho Công ty theo thời hạn quy định. Công ty đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh ngày 6 tháng 7 năm 2015 để đề nghị hủy Hợp đồng mua bán căn hộ "Dự án: Khu Dân cư & Căn Hộ Cao Tầng 584 Tân Kiên – Bình Chánh" với Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Khai Thác Công Trình Giao Thông 584. Theo Biên bản hòa giải thành của Tòa án ngày 3 tháng 8 năm 2016, Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Khai Thác Công Trình Giao Thông 584 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty khoản nợ này theo ba (3) đợt thanh toán vào Quý IV năm 2016, Quý I và Quý II năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu hồi khoản phải thu này theo đúng thỏa thuận hòa giải tại Tòa án tiềm ẩn rủi ro. Do đó, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản tiền này là 23.123.909.200 đồng (*Thuyết minh 9*).

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 *Trả trước cho người bán ngắn hạn* (tiếp theo)

(b) Đây là khoản đặt cọc tạm ứng theo Hợp đồng mua bán du thuyền giữa Công ty Du Thuyền Hoàng Gia và Eximland ngày 21 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên Hợp đồng này không được thực hiện và Công ty Du Thuyền Hoàng Gia chưa hoàn lại khoản đặt cọc tạm ứng này cho Eximland. Theo thời gian quá hạn của khoản phải thu, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng 50% khoản tiền này là 1.030.500.000 đồng (*Thuyết minh 9*).

(c) Đây là khoản tạm ứng đợt 1 cho bà Lê Ngọc Phương Thảo để hỗ trợ pháp lý cho Eximland được cơ quan có thẩm quyền công nhận làm chủ đầu tư và có quyết định giao đất cho Eximland tiến hành đầu tư xây dựng dự án Lô G Chung cư Ngô Gia Tự, Phường 3, Quận 10 theo hợp đồng ngày 1 tháng 4 năm 2016.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
	VND	*VND*
Khương Tố Huệ (a)	7.000.000.000	-
Nguyễn Hồng Anh Tuấn (b)	6.000.000.000	6.000.000.000
Nguyễn Hồng Hải (c)	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Quản lý BĐS Hoàng Phúc (d)	2.900.000.000	-
Công ty CP địa ốc Satra Exim- Công ty con (e)	2.410.000.000	-
TỔNG CỘNG	**21.310.000.000**	**6.000.000.000**

(a) Đây là khoản cho bà Khương Tố Huệ vay ngày 26 tháng 4 năm 2017, đáo hạn ngày 26 tháng 7 năm 2017, lãi suất 12%/năm.

(b) Đây là khoản cho ông Nguyễn Hồng Anh Tuấn vay từ ngày 14 tháng 10 năm 2016 đến 21 tháng 11 năm 2016, lãi suất 12%/năm, ngày đáo hạn từ ngày 14 tháng 12 năm 2016 đến ngày 21 tháng 12 năm 2016. Công ty đã thu hồi các khoản vay này tại ngày 15 tháng 8 năm 2017.

(c) Đây là khoản cho ông Nguyễn Hồng Hải vay ngày 29 tháng 6 năm 2017, đáo hạn ngày 29 tháng 9 năm 2017, lãi suất 12%/năm.

(d) Đây là khoản cho Công ty TNHH Quản lý BĐS Hoàng Phúc vay ngày 14 tháng 5 năm 2017, đáo hạn ngày 14 tháng 6 năm 2017, lãi suất 12%/năm.

(e) Đây là khoản cho vay vốn lưu động với lãi suất 0%, theo hợp đồng số 2003/HĐV/2017-CTY, giải ngân lần đầu vào 21 tháng 3 năm 2017, hạn thanh toán vào 21 tháng 8 năm 2017.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*
Cho nhân viên vay (a)	8.580.000.000	8.580.000.000
Tạm ứng cán bộ công nhân viên (b)	6.134.862.000	7.762.262.000
Đặt cọc thực hiện dự án	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu từ Công ty Cổ phần Satra Đất Thành Tân Phú	338.057.396	338.057.396
Phải thu từ thanh lý công ty liên kết	-	5.250.000.000
Phải thu khác	1.320.471.887	453.700.000
TỔNG CỘNG	**18.373.391.283**	**24.384.019.396**
Trong đó:		
Phải thu khác	*595.929.283*	*14.576.686.063*
Phải thu khác từ các bên liên quan	*17.777.462.000*	*9.807.333.333*

(a) Đây là khoản cho các nhân viên vay với lãi suất 0%.

(b) Đây là khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện dự án.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Và Khai Thác Công Trình Giao Thông 584 (a)	23.123.909.200	23.123.909.200
Công ty Cổ phần Du thuyền Hoàng Gia (b)	1.030.500.000	1.030.500.000
Tổng công ty Thương mại Sài Gòn	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Satra Đất Thành Tân Phú	338.057.396	338.057.396
Ông Đặng Hùng Long (c)	-	2.625.000.000
TỔNG CỘNG	**24.992.466.596**	**27.617.466.596**

(a) Đây là khoản dự phòng cho khoản trả trước mua 28 căn hộ chung cư của Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Và Khai Thác Công Trình Giao Thông 584 dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi của khoản phải thu này *(Thuyết minh 6.2)*.

(b) Đây là khoản dự phòng cho khoản đặt cọc tạm ứng theo Hợp đồng mua du thuyền của Công ty Cổ phần Du thuyền Hoàng Gia dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi và thời gian quá hạn gốc của khoản phải thu này *(Thuyết minh 6.2)*.

(c) Trong năm 2017, khoản phải thu từ ông Đặng Hùng Long về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp 1 đã được bán cho bà Phạm Mỹ Linh với giá 2.500.000.000 đồng. Công ty đã nhận đủ tiền từ giao dịch này. Do đó, Công ty đã hoàn nhập toàn bộ khoản dự phòng đã trích nộp.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (tiếp theo)

Thay đổi phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND*
Số dư đầu kỳ	27.617.466.596	6.600.000.000
Số (hoàn nhập)/trích lập trong kỳ	(2.625.000.000)	338.057.396
Số dư cuối kỳ	**24.992.466.596**	**6.938.057.396**

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*
Dự án Quận 9 - Đất nhà ở xã hội	100.377.109.811	97.260.168.624
Dự án khác	165.000.000	150.000.000
	100.542.109.811	**97.410.168.624**

Chi tiết tình hình tăng giảm hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	*Tăng trong kỳ VND*	*Giảm trong kỳ VND*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*
Dự án Quận 9	97.260.168.624	3.116.941.187	-	100.377.109.811
Dự án Chung Cư Long Hưng, Quận Tân Bình	150.000.000	-	-	150.000.000
Dự án 5 chung cư cũ Quận Tân Bình	-	15.000.000	-	15.000.000
TỔNG CỘNG	**97.410.168.624**	**3.131.941.187**	**-**	**100.542.109.811**

Đây chủ yếu là khoản chi phí xây dựng dở dang cho dự án khu chung cư cao tầng kết hợp dịch vụ (nhà ở xã hội) tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đang thực hiện và hoàn thành các thủ tục cần thiết để xây dựng dự án khu chung cư cao tầng kết hợp dịch vụ (nhà ở xã hội) tại Quận 9.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	*Máy móc thiết bị VND*	*Phương tiện vận tải VND*	*Tổng cộng VND*
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	13.380.541.459	541.135.220	8.627.074.545	22.548.751.224
Mua sắm trong kỳ	-	-	8.463.000.000	8.463.000.000
Thanh lý trong kỳ	-	-	(3.065.200.000)	(3.065.200.000)
Số dư cuối kỳ	13.380.541.459	541.135.220	14.024.874.545	27.946.551.224
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	4.181.419.199	386.439.012	4.575.884.641	9.143.742.852
Khấu hao trong kỳ	418.141.920	40.369.176	391.032.322	849.543.418
Thanh lý trong kỳ	-	-	(1.192.022.216)	(1.192.022.216)
Số dư cuối kỳ	4.599.561.119	426.808.188	3.774.894.747	8.801.264.054
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	9.199.122.260	154.696.208	4.051.189.904	13.405.008.372
Số dư cuối kỳ	8.780.980.340	114.327.032	10.249.979.798	19.145.287.170

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.963.220.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.963.220.000 VND).

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND			*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Đầu tư vào công ty con	**268.067.076.000**	**16.684.283.889**	**251.382.792.111**	**267.827.364.000**	**16.684.283.889**	**251.143.080.111**
Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim	131.187.692.000	-	131.187.692.000	130.947.980.000	-	130.947.980.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - E Xim	72.359.384.000	3.952.213.206	68.407.170.794	72.359.384.000	3.952.213.206	68.407.170.794
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp - Đô thị Hóc Môn	61.500.000.000	10.783.642.622	50.716.357.378	61.500.000.000	10.783.642.622	50.716.357.378
Công ty TNHH MTV Tư Vấn - Xây Dựng E Xim	2.000.000.000	1.948.428.061	51.571.939	2.000.000.000	1.948.428.061	51.571.939
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản EXIMRS	1.020.000.000	-	1.020.000.000	1.020.000.000	-	1.020.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	**175.000.000.000**	**1.885.508.427**	**173.114.491.573**	**175.000.000.000**	**1.885.508.427**	**173.114.491.573**
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Hoàng Phúc	175.000.000.000	1.885.508.427	173.114.491.573	175.000.000.000	1.885.508.427	173.114.491.573
TỔNG CỘNG	**443.067.076.000**	**18.569.792.316**	**424.497.283.684**	**442.827.364.000**	**18.569.792.316**	**424.257.571.684**

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 *Đầu tư vào các công ty con*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*
Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim	98,31	98,31	98,10	98,10
Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - E Xim	99,93	99,93	99,93	99,93
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp - Đô thị Hóc Môn	65,86	65,86	65,86	65,86
Công ty TNHH MTV Tư vấn - Xây dựng E Xim	76,92	76,92	90,91	90,91
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất Động Sản EXIMRS	51,00	51,00	51,00	51,00

Mua thêm phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim

Công ty con này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305349677 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 11 năm 2007. Công ty có trụ sở chính tại 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của công ty con là đầu tư, kinh doanh địa ốc, xây lắp.

Trong năm, Công ty đã mua thêm 0,21% phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim với tổng giá mua là 239.712.000 VND, tăng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết lên 98,31% tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 98,10%).

Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - E Xim

Công ty con này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 10 năm 2011. Công ty có trụ sở chính tại 179 EF Cách Mạng Tháng Tám, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của công ty con là kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này là 99,93% (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 99,93%).

Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp - Đô thị Hóc Môn

Công ty con này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103011598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 2008. Công ty có trụ sở chính tại179EF, Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của công ty con là đầu tư, kinh doanh địa ốc, xây lắp.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này là 65,86% (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 65,86%).

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

Công Ty TNHH MTV Tư vấn - Xây dựng E Xim

Công ty con này là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313307889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 06 năm 2015. Công ty có trụ sở chính tại 179 EF Cách Mạng Tháng Tám, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của công ty con là xây dựng.

Trong kỳ, Công Ty TNHH MTV Tư vấn - Xây dựng E Xim đã tăng vốn điều lệ lên 2.600.000.000 VND do nhận thêm vốn góp với số tiền 400.000.000 VND từ ông Nguyễn Hồng Hải và ông Nguyễn Văn Hùng, làm giảm tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong công ty con này còn 76,92% (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 90,91%).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản EXIMRS

Công ty con này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313151430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 03 năm 2015. Công ty có trụ sở chính tại 449 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty góp vốn thành lập công ty con với mục đích mở rộng mạng lưới kinh doanh bất động sản, thực hiện các dịch vụ phân phối sỉ các dự án Công ty đang thực hiện và các dự án của các công ty khác.

Hoạt động chính của công ty con là môi giới bất động sản.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này là 51,00% (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 51,00%).

12.2 *Đầu tư vào công ty liên kết*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Hoàng Phúc	35,00	35,00	35,00	35,00

Đây là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312153756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 5 tháng 2 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 3 tháng 10 năm 2016. Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Công ty góp vốn liên kết với Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Hoàng Phúc trên cơ sở tìm hiểu về năng lực, hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Hoàng Phúc, đồng thời, thực hiện chủ trương mở rộng liên doanh, liên kết với đối tác nhằm cộng hưởng thương hiệu của Công ty.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND*
Số dư đầu kỳ	18.569.792.316	5.345.144.581
Trích lập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	**18.569.792.316**	**5.345.144.581**

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*
Ủy thác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Huyện Cần Giờ (a)	74.245.920.528	64.256.481.255
Ủy thác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Huyện Nhà Bè (b)	16.333.978.204	46.389.713.455
TỔNG CỘNG	**90.579.898.732**	**110.646.194.710**

(a) Đây là chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất với diện tích 280.300 m2 tại Xã An Thới Đông, Huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty ủy thác cho ông Nguyễn Văn Hùng - Thành viên Hội đồng Quản trị và ông Đào Văn Nam - Phó Tổng Giám đốc của Công ty và bà Khương Tố Mỹ đứng tên chủ sở hữu nhằm thực hiện dự án.

(b) Đây là chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất với diện tích 27.612,6 m2 tại Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty ủy thác cho ông Đào Văn Nam - Phó Tổng Giám đốc của Công ty đứng tên chủ sở hữu nhằm thực hiện dự án.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
	VND	*VND*
Phạm Thị Thu Hằng (a)	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Phước Thành (b)	2.907.314.571	-
Nguyễn Văn Hùng	937.250.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thiết kế và Quản lý dự án Hoa Điền	-	350.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn - Xây dựng Exim	-	159.201.781
Phải trả người bán khác	75.900.000	-
TỔNG CỘNG	**23.920.464.571**	**20.509.201.781**

(a) Đây là khoản tiền phải trả còn lại liên quan đến giao dịch mua lại phần vốn góp (35% vốn điều lệ) của bà Phạm Thị Thu Hằng tại Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Hoàng Phúc *(Thuyết minh 12.2)*. Khoản phải trả này không có lãi suất và không có thời hạn thanh toán xác định.

(b) Đây là khoản phải trả liên quan đến việc khởi công River Park Tower thuộc Dự án Nhà ở Xã hội Quận 9 do Công ty CP Xây dựng Phước Thành làm tổng thầu.

Công ty đánh giá là có khả năng trả nợ toàn bộ các khoản phải trả người bán ngắn hạn nêu trên.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
	VND	*VND*
Chi phí dự án Quận 9 (*)	7.068.326.738	7.068.326.738
Chi phí trích trước dự án Toplife	697.132.397	925.455.569
Chi phí trích trước dự án Lê Văn Lương	181.818.184	235.818.184
Lãi vay phải trả	604.500.000	680.400.000
TỔNG CỘNG	**8.551.777.319**	**8.910.000.491**

(*) Khoản mục này thể hiện các chi phí trích trước cho dự án khu chung cư cao tầng kết hợp dịch vụ (nhà ở xã hội) tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đang thực hiện và hoàn thành các thủ tục cần thiết để bán sản phẩm - căn hộ chung cư.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
	VND	*VND*
Phải trả khác		
- Tiền tạm giữ (a)	6.846.226.000	6.846.226.000
- Công ty CP Bất động sản Unihomes (b)	4.000.000.000	-
- Cổ tức phải trả	3.300.750.000	3.313.250.000
- Phải trả tiền cọc bán căn hộ dự án Toplife (c)	667.517.504	3.354.949.871
- Bảo hiểm y tế, xã hội và kinh phí công đoàn	16.009.103	28.641.850
- Phải trả khác	60.758.145	80.147.034
Phải trả bên liên quan		
- Nguyễn Văn Hùng (d)	2.733.550.000	2.733.550.000
TỔNG CỘNG	**17.624.810.752**	**16.356.764.755**

(a) Tiền tạm giữ tương ứng với 2% trên tổng số tiền bồi thường về đất thuộc dự án Khu nhà ở Exim Garden được Công ty tạm giữ để thực hiện và hoàn thành các thủ tục cần thiết nhằm đảm bảo nghĩa vụ nộp đủ thuế thu nhập cá nhân phát sinh từ thỏa thuận bồi thường này.

(b) Đây là khoản tiền đặt cọc của Công ty Bất động sản Unihomes để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng thực hiện dịch vụ tư vấn, thực hiện hoàn tất thủ tục bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội và môi giới tiếp thị 20% quỹ nhà ở thương mại tại Dự án Chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eximland tại Phường Phú Hữu, Quận 9. Khoản đặt cọc này đã được Công ty hoàn trả vào ngày 12 tháng 7 năm 2017.

(c) Đây là khoản tiền đặt cọc của các cá nhân và công ty để mua căn hộ dự án Căn hộ - Văn phòng Thương mại Toplife Tower tại 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh của chủ đầu tư là Công ty Tie - E Xim (công ty con). Theo hợp đồng bao tiêu sản phẩm số 01/2016/HĐBT/TIE-EXL ngày 6 tháng 1 năm 2016, Công ty đồng ý nhận bao tiêu sản phẩm của dự án Căn hộ - Văn phòng Thương mại Toplife Tower của Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - E Xim.

(d) Đây là khoản tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Ấp Rạch Lá, Xã An Thới Đông, Huyện Cần Giờ phải trả cho ông Nguyễn Văn Hùng - Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty theo thỏa thuận nguyên tắc ngày 3 tháng 6 năm 2015 cùng biên bản thanh lý thỏa thuận này ngày 26 tháng 2 năm 2016 và thỏa thuận nguyên tắc ngày 5 tháng 5 năm 2015 cùng biên bản thanh lý thỏa thuận này ngày 26 tháng 2 năm 2016.

16. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

16.2 *Phải trả dài hạn khác*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016* VND
Công ty Cổ Phần Địa Ốc Sa Tra E Xim (a)	17.600.000.000	8.700.000.000
Phải trả dài hạn khác	608.377.000	671.737.000
TỔNG CỘNG	**18.208.377.000**	**9.371.737.000**

(a) Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Địa ốc Satra Exim để thực hiện đầu tư dự án tại Ấp Rạch Lá, Xã An Thới Đông, Huyện Cần Giờ.

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016* VND
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (*Thuyết minh 18*)	12.000.000.000	12.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - E Xim (*)	2.905.539.000	4.059.650.000
Vay Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Hoàng Phúc	-	10.800.000.000
Vay ông Nguyễn Văn Hùng	-	4.330.437.500
Vay Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp - Đô thị Hóc Môn	-	3.300.000.000
TỔNG CỘNG	**14.905.539.000**	**34.490.087.500**

(*) Đây là khoản vay vốn hoạt động ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tie – E Xim (công ty con), khoản vay này không chịu lãi và đáo hạn vào tháng 10 năm 2016.

	Ngày 1 tháng 1 năm 2017 VND	*Tăng trong kỳ* VND	*Giảm trong kỳ* VND	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017* VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	12.000.000.000
Vay đối tượng khác	22.490.087.500	-	19.584.548.500	2.905.539.000
TỔNG CỘNG	**34.490.087.500**	**6.000.000.000**	**25.584.548.500**	**14.905.539.000**
Trong đó:				
Nợ dài hạn đến hạn trả			6.000.000.000	
Vay đối tượng khác			16.254.111.000	
Cấn trừ công nợ			3.330.437.500	

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngày 1 tháng 1 năm 2017 VND	*Tăng trong kỳ VND*	*Giảm trong kỳ VND*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*
Vay ngân hàng (a)	108.000.000.000	-	6.000.000.000	102.000.000.000
Vay từ bên liên quan (b)	32.862.056.000	-	380.200.000	32.481.856.000
Dương Thị Thu Loan (c)	-	600.000.000	-	600.000.000
TỔNG CỘNG	**140.862.056.000**	**600.000.000**	**6.380.200.000**	**135.081.856.000**

Trong đó:

Nợ dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000
Vay đối tượng khác	380.200.000

(a) Đây là các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Quận 4 với lãi suất 10,8%/năm trong ba tháng đầu, sau đó thay đổi định kỳ 3 tháng một lần, kỳ hạn 120 tháng, thanh toán gốc vào cuối mỗi quý và thanh toán lãi vào cuối mỗi tháng, đáo hạn vào năm 2026 và được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba - Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim (công ty con).

(b) Đây là khoản vay từ Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp - Đô thị Hóc Môn (công ty con). Khoản vay này không chịu lãi, tín chấp và không có thời hạn thanh toán xác định.

(c) Đây là khoản tiền vay tín chấp không lãi suất từ bà Dương Thị Thu Loan theo hợp đồng vay số 01/2017/HDV-EXL ngày 6 tháng 1 năm 2017, thời hạn 2 năm tính từ ngày giải ngân.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

	Vốn góp VND	*Quỹ đầu tư phát triển VND*	*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND*	*Lợi nhuận chưa phân phối VND*	*Tổng cộng VND*
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	417.840.000.000	11.252.395.500	3.410.041.500	54.025.766.890	486.528.203.890
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(10.685.994.053)	(10.685.994.053)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	**417.840.000.000**	**11.252.395.500**	**3.410.041.500**	**43.339.772.837**	**475.842.209.837**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

	Vốn góp VND	*Quỹ đầu tư phát triển VND*	*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND*	*Lợi nhuận chưa phân phối VND*	*Tổng cộng VND*
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	417.840.000.000	11.252.395.500	2.403.809.500	7.235.981.610	438.732.186.610
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(5.193.924.416)	(5.193.924.416)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	**417.840.000.000**	**11.252.395.500**	**2.403.809.500**	**2.042.057.194**	**433.538.262.194**

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*		
	Số cổ phần thường	*Giá trị VND*	*Tỷ lệ sở hữu %*	*Số cổ phần thường*	*Giá trị VND*	*Tỷ lệ sở hữu %*
Ông Lý Văn Nghĩa	16.431.000	164.310.000.000	39,32	13.381.000	133.810.000.000	32,02
Ông Nguyễn Hữu Thành	4.590.000	45.900.000.000	10,99	4.590.000	45.900.000.000	10,99
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	2.700.000	27.000.000.000	6,46	2.700.000	27.000.000.000	6,46
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	-	-	-	3.050.000	30.500.000.000	7,30
Cổ đông khác	18.063.000	180.630.000.000	43,23	18.063.000	180.630.000.000	43,23
TỔNG CỘNG	**41.784.000**	**417.840.000.000**	**100,00**	**41.784.000**	**417.840.000.000**	**100,00**

19.3 *Cổ phiếu*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*	
	Số lượng	*Giá trị VND*	*Số lượng*	*Giá trị VND*
Cổ phiếu được phép phát hành	45.344.000	453.440.000.000	45.344.000	453.440.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	41.784.000	417.840.000.000	41.784.000	417.840.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*41.784.000*	*417.840.000.000*	*41.784.000*	*417.840.000.000*
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	41.784.000	417.840.000.000	41.784.000	417.840.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*41.784.000*	*417.840.000.000*	*41.784.000*	*417.840.000.000*

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	644.256.821	1.268.578.133
Doanh thu bán hàng	-	-
TỔNG CỘNG	**644.256.821**	**1.268.578.133**
Trong đó:		
- Doanh thu đối với bên khác	*644.256.821*	*1.079.553.053*
- Doanh thu đối với bên liên quan	*-*	*189.025.080*

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*
Giá vốn hàng bán	-	3.500.000.000
Phí dịch vụ quản lý	646.251.446	951.485.326
TỔNG CỘNG	**646.251.446**	**4.451.485.326**
Trong đó:		
- Chi phí khấu hao	*254.149.848*	*254.149.847*

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*
Lãi cho vay	1.164.903.530	83.333.334
Cổ tức, lợi nhuận được chia	357.000.000	10.471.366.000
Lãi tiền gửi	332.550.587	42.875.883
TỔNG CỘNG	**1.854.454.117**	**10.597.575.217**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*
Chi phí lãi vay	**6.548.300.000**	**6.735.126.943**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND*
Chi phí nhân công	3.575.786.711	3.118.455.350
Chi phí khấu hao	595.393.569	923.284.123
Chi phí bán nợ (*)	125.000.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.691.431.845	1.869.799.237
TỔNG CỘNG	**5.987.612.125**	**5.911.538.710**

(*) Chi phí bán nợ phát sinh từ việc bán khoản phải thu của ông Đặng Hùng Long cho bà Phạm Mỹ Linh ngày 27 tháng 3 năm 2017 *(Thuyết minh 9)*.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND*
Chi phí nhân công	3.575.786.711	3.118.455.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.244.199.237	1.133.165.376
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	395.818.143	4.451.485.326
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	849.543.418	923.284.123
Chi phí khác	568.516.062	736.633.861
TỔNG CỘNG	**6.633.863.571**	**10.363.024.036**

26. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	*Số phải nộp VND*	*Số đã nộp VND*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.615.099.125	-	(500.000.000)	3.115.099.125
Thuế thu nhập cá nhân	25.366.876	140.400.874	(149.552.579)	16.215.171
Thuế giá trị gia tăng	(1.177.518.465)	(446.592.142)	-	(1.624.110.607)
TỔNG CỘNG	**2.462.947.536**	**(306.191.268)**	**(649.552.579)**	**1.507.203.689**
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	*3.640.466.001*			*3.131.314.296*
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	*(1.177.518.465)*			*(1.624.110.607)*

26. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC *(tiếp theo)*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong kỳ hiện hành (kỳ trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ trước do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND*
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(10.685.994.053)	(5.193.924.416)
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	(2.137.198.811)	(1.038.784.883)
Các điều chỉnh tăng/(giảm)		
Chi phí khấu hao vượt mức quy định	32.560.000	53.693.666
Chi phí không được trừ theo quy định	3.081.000	4.855.094
Thu nhập từ hoạt động không chịu thuế	(71.400.000)	(2.094.273.200)
Thuế TNDN hiệu lực từ lỗ tính thuế chưa ghi nhận	2.172.957.811	3.074.509.323
Chi phí thuế TNDN	-	-

Chuyển lỗ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 10.864.789.053 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế VND*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2017 VND*
2017	2022	10.864.789.053	10.864.789.053

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận trong kỳ do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế phát sinh trong kỳ do không ước tính chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND*
Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - E Xim	Công ty con	Chuyển trả tiền mượn cho Công ty con	1.154.111.000	3.605.250.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim	Công ty con	Góp vốn dự án Rạch Lá, Cần Giờ	8.900.000.000	-
		Trả tiền vay ngắn hạn	-	1.120.000.000
		Cho vay ngắn hạn	-	1.000.000.000
		Thu tiền vay ngắn hạn	-	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn - Xây dựng E Xim (Eximcons)	Công ty con	Tiền thuê văn phòng	190.080.000	189.025.080
		Tạm ứng hợp đồng thi công lắp dựng hàng rào và cổng công trình cho dự án Khu thương mại - dịch vụ Office Tel	306.072.250	99.917.585
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp - Đô thị Hóc Môn	Công ty con	Trả tiền gốc vay Công ty con	3.300.000.000	-
		Trả tiền lãi vay Công ty con	129.800.000	-
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Hoàng Phúc	Công ty liên kết	Cho vay	5.000.000.000	-
		Nhận nợ vay	2.100.000.000	-
Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	3.000.000.000	-
Các nhân sự chủ chốt trong công ty (Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc)	Ban lãnh đạo Công ty	Lương và thù lao	983.049.000	2.696.767.000

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 06 năm 2017* VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016* VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản EXIMRS	Công ty con	Thu trước tiền quảng cáo dự án Toplife	500.000.000	500.000.000
		Phải trả phí PR dự án Lê Văn Lương	64.000.000	64.000.000
		Phải trả phí môi giới dự án Toplife	314.596.621	314.596.621
		Phải thu lãi vay	18.500.000	18.500.000
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Hoàng Phúc	Công ty liên kết	Cho vay	2.900.000.000	-
		Trả tiền vay	10.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim	Công ty con	Góp vốn hợp tác đầu tư dự án Rạch Lá, Cần Giờ	17.600.000.000	8.700.000.000
		Công ty con vay	2.410.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - E Xim	Công ty con	Công ty con cho vay	2.905.539.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp - Đô thị Hóc Môn	Công ty con	Công ty con cho mượn lại vốn góp	32.481.856.000	32.481.856.000
Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	3.000.000.000	-

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 không có bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê Quyền sử dụng đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*
Đến 1 năm	1.860.000.000	1.860.000.000
Từ 1 - 5 năm	7.440.000.000	7.440.000.000
Trên 5 năm	11.935.000.000	12.710.000.000
TỔNG CỘNG	**21.235.000.000**	**22.010.000.000**

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND*
Đến 1 năm	875.029.091	1.459.879.091
Từ 1 - 5 năm	382.334.545	324.807.273
TỔNG CỘNG	**1.257.363.636**	**1.784.686.364**

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá cả hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay với lãi suất thả nổi của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty không chịu rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro giá cả hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	*Dưới 1 năm* VND	*Từ 1 đến 5 năm* VND	*Trên 5 năm* VND	*Tổng cộng* VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Phải trả người bán ngắn hạn	23.920.464.571	-	-	-	23.920.464.571
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	8.551.777.319	-	8.551.777.319
Phải trả ngắn hạn khác	17.624.810.752	-	-	-	17.624.810.752
Vay và nợ ngắn hạn	-	14.905.539.000	-	-	14.905.539.000
Phải trả dài hạn khác	-	-	18.208.377.000	-	18.208.377.000
Vay và nợ dài hạn	-	-	93.081.856.000	42.000.000.000	135.081.856.000
	41.545.275.323	**14.905.539.000**	**119.842.010.319**	**42.000.000.000**	**218.292.824.642**
Ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Phải trả người bán ngắn hạn	20.509.201.781	-	-	-	20.509.201.781
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	8.910.000.491	-	8.910.000.491
Phải trả ngắn hạn khác	16.356.764.755	-	-	-	16.356.764.755
Vay và nợ ngắn hạn	-	34.490.087.500	-	-	34.490.087.500
Phải trả dài hạn khác	-	-	9.371.737.000	-	9.371.737.000
Vay và nợ dài hạn	-	-	92.862.056.000	48.000.000.000	140.862.056.000
	36.865.966.536	**34.490.087.500**	**111.143.793.491**	**48.000.000.000**	**230.499.847.527**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác và đồng thời không dùng bất kỳ tài sản nào của Công ty để thế chấp tại bên thứ ba vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

	Giá trị ghi sổ			
	Cho vay và phải thu VND	*Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ VND*	*Tổng giá trị ghi sổ VND*	*Giá trị hợp lý VND*
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	7.943.098.165	7.943.098.165	7.943.098.165
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.810.911.700	-	7.810.911.700	7.810.911.700
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	18.373.391.283	-	18.373.391.283	18.373.391.283
Phải thu ngắn hạn khác	21.310.000.000	-	21.310.000.000	21.310.000.000
TỔNG CỘNG	**47.494.302.983**	**7.943.098.165**	**55.437.401.148**	**55.437.401.148**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	-	23.920.464.571	23.920.464.571	23.920.464.571
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	8.551.777.319	8.551.777.319	8.551.777.319
Phải trả ngắn hạn khác	-	17.624.810.752	17.624.810.752	17.624.810.752
Vay và nợ ngắn hạn	-	14.905.539.000	14.905.539.000	14.905.539.000
Phải trả dài hạn khác	-	18.208.377.000	18.208.377.000	18.208.377.000
Vay và nợ dài hạn	-	135.081.856.000	135.081.856.000	135.081.856.000
TỔNG CỘNG	**-**	**218.292.824.642**	**218.292.824.642**	**218.292.824.642**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính trình bày nêu trên xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ vì các công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn là ngắn hạn, ngoại trừ giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ dài hạn được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có thông tin thị trường tin cậy và các quy định cụ thể về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Đinh Thị Nhài	Bà Nguyễn Thị Cảnh	Ông Lý Văn Nghĩa
Kế toán viên	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017